

Số: 42 /2019/QĐST-HNGĐ

Đbp, ngày 18 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 361 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 53/2019/TL-TLVDS ngày 03 tháng 6 năm 2019, về việc yêu cầu *Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Phạm Thị H** - Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số nhà 285, tổ dân phố 23, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb.
Nơi làm việc: Phòng tham mưu Công an tỉnh Đb.

- Anh **Hà Đức B** - Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số nhà 285, tổ dân phố 23, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb.
Nơi làm việc: Phòng hỗ trợ tư pháp và thi hành án hình sự Công an tỉnh Đb.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hà Đức B kết hôn vào ngày 15/9/2004 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Đb. Chị H, anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống, do tính cách và quan điểm bất đồng, đặc biệt là trong quan hệ đối nhân xử thế, giáo dục con cái vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, theo thời gian tình cảm không còn mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện tại chị H và anh B không còn tình cảm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống chỉ làm cả hai bên thêm mệt mỏi nên chị H anh B yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn .

[2] Về con chung: Chị H và anh B công nhận anh chị có 02 con chung là cháu Hà Phạm QV - sinh ngày 15/1/2005 và Hà ĐN - sinh ngày 22/7/2012. Chị H anh B cùng thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn chị H sẽ trực tiếp nuôi con hai con chung, anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nam với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nam đủ tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6/2019. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

[3] Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh B đều khai và công nhận là không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Đức B tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí DSST.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị H và anh Hà Đức B thuận tình ly hôn.
- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Hà Phạm QV - sinh ngày 15/1/2005 và Hà ĐN - sinh ngày 22/7/2012 cho chị Phạm Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Đức B cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Nam đủ tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6/2019. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có
- **Các vấn đề khác:** Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Đức B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo B lai thu tiền số AA/2016/0002327 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đbp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DB;
- VKSND TP. DBP;
- Chi cục THADS TP. DBP;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TC, h TC
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Hà Thị Tám